

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 13-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Ông Vũ Văn Khang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình C; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 41/2016/UQ-CNHP ngày 29/6/2016); có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Xuân T; địa chỉ: Số 24B lô Đ25, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017, bản tự khai nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 22/5/2015, anh Đào Xuân T có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào mức thu nhập của anh Đào Xuân T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh T đã thực hiện giao dịch với số tiền: 13.831.859 đồng; lãi trong hạn + phí: 6.335.476 đồng; lãi quá hạn: 4.074.130 đồng. Trong quá trình vay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là: 9.784.000 đồng; trong đó nợ lãi trong hạn và phí trước hạn là 6.335.476 đồng, sau đó anh T được thanh toán tiếp số tiền là 3.448.524 đồng. Do anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 31/01/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 31/01/2018, anh Đào Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo thỏa thuận hai bên đã cam kết với tổng số tiền là 14.4570.465 đồng (nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.074.130 đồng).

Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu: Anh Đào Xuân T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 13/4/2018 là: Nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.877.794 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng và trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, nếu anh Đào Xuân T không trả số tiền nêu trên, thì còn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không có quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện và không có lý do chính đáng, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành được việc lấy lời khai của anh T.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Đào Xuân T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 13/4/2018 là: Nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.877.794 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng và trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, nếu anh Đào Xuân T không trả số tiền nêu

trên, thì còn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ.

Anh Đào Xuân T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn là anh Đào Xuân T; hiện cư trú tại: Số 24B Đ25, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng vay với mục đích tiêu dùng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: Hợp đồng cấp thẻ đã ký kết ngày 22/5/2015 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và anh Đào Xuân T là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân số tiền 10.383.335 đồng cho anh Đào Xuân T theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/5/2015 nhưng anh T đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc anh Đào Xuân T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 13/4/2018 là: Nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.877.794 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng; về quyền kháng cáo; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; về án phí: Anh Đào Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đào Xuân T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp thẻ đã ký kết ngày 10/10/2014 giữa các bên. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn là Tổ chức có đăng ký kinh doanh - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn là anh Đào Xuân T, hiện đang cư trú tại: Số 24B Đ25, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng với mục đích vay tiêu dùng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 05/3/2018 cho anh T nhưng tại phiên toà ngày 28/3/2018, anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 169/2018/QĐST-DS ngày 28/3/2018 và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên toà trên cho anh T. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Đào Xuân T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[3] Ngày 06 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án; đến ngày 05 tháng 3 năm 2018, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cấp thẻ ngày 20/5/2015 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và anh Đào Xuân T được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

[5] Nội dung Hợp đồng cấp thẻ ngày 22/05/2015: Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng

với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh T đã thực hiện: Giao dịch: 13.831.859 đồng; lãi trong hạn và phí: 6.335.476 đồng; lãi quá hạn: 4.074.130 đồng, trong quá trình vay anh T đã thanh toán: 9.784.000 đồng được thanh toán nợ lãi trong hạn và phí trước hạn là 6.335.476 đồng, sau đó anh T thanh toán số tiền anh T đã giao dịch là 3.448.524 đồng. Tính đến ngày 13/4/2018 anh T còn nợ Ngân hàng cụ thể:

- Nợ gốc: 10.383.335 đồng;

- Nợ lãi: 4.877.794 đồng;

Tổng cộng: 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng.

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

[6] Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực dân sự, Hợp đồng cấp thẻ ngày 22/5/2015 được ký kết giữa Ngân hàng và anh T, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung và hình thức phù hợp với đạo đức xã hội, đúng quy định của pháp luật tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, tranh chấp Hợp đồng cấp thẻ ngày 22/5/2015 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và anh Đào Xuân T cần được xem xét trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của các bên cam kết trên hợp đồng.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

[7] Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 10.383.335 đồng. Bị đơn anh Đào Xuân T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận, nên ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện buộc anh Đào Xuân T phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[8] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm hiện nay là 9.784.000 đồng, trong đó thanh toán nợ lãi trong hạn và phí là 6.335.476 đồng và thanh toán số tiền anh T giao dịch là 3.448.524 đồng. Nguyên đơn giao nộp bản tóm tắt sao kê căn cứ chứng minh tính từ thời điểm vi phạm đến ngày xét xử 13/4/2018 số tiền bị đơn anh Đào Xuân T phải thanh toán cho Ngân hàng là nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.877.794 đồng. Tổng cộng là: 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh Đào Xuân T phải có nghĩa vụ trả nợ cho

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 13/4/2018 là nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.877.794 đồng. Tổng cộng là: 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng.

[10] Về lãi suất: Anh Đào Xuân T tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ ngày 22/5/2015 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng và theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

[11] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đào Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và anh Đào Xuân T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc anh Đào Xuân T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay tính đến ngày 13/4/2018 là 15.261.129 (mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.383.335 đồng; nợ lãi: 4.877.794 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng cấp thẻ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ ngày 22/5/2015.

2. Về án phí: Anh Đào Xuân T phải nộp 763.000 (bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002098 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Đào Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng